

CÂY CÔNG NGHIỆP



Nguồn gốc

Tác giả: Đỗ Văn Ngọc, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Thị Phương và CTV., Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

PH8 là giống chè vô tính của Việt Nam, chọn lọc từ tổ hợp lai hữu tính giữa giống chè TRI-777 (giống chè shan chế biến chè xanh chất lượng cao của Srilanka được nhập nội năm 1977) và giống chè Kim Tuyên (giống chè nổi tiếng chế biến chè ôlong chất lượng cao).

Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 91/QĐ/TT-CN ngày 10/4/2009.

Đặc điểm chính

Thân gỗ nhỏ, phân cành thấp, số cành nhiều. Lá dày màu xanh đậm, bóng, mép lượn sóng, răng cưa nông đều, thế lá nằm ngang, lá hình trứng, dài lá 8,56cm, rộng 4,0cm, có 7-9 đôi gân lá. Cây sinh trưởng khỏe, bật mầm sớm, búp nhiều tuyết, khối lượng búp 1 tôm 3 lá

0,95 g/búp. Năng suất cao (tuổi 2 đã cho năng suất 3,68 tấn/ha đến tuổi 8 đạt tới 17,24 tấn/ha), chịu thâm canh. Phù hợp nhân giống vô tính, dễ giâm cành và có hệ số nhân giống khá cao, cây con sinh trưởng khỏe cả ở vườn ươm và sau trồng, tỷ lệ sống cao.

Chất lượng tốt, hàm lượng tanin 31,36%, đường khử 2,00%, catechin 161,15 mg/g chất khô, chất hoà tan 43,60%, axit amin 2,40%. Nguyên liệu búp có chất lượng tốt chế biến chè xanh đạt loại khá, điểm thử nếm đạt 16,27-18,78, có hương thơm đặc trưng lộ rõ vị hoàn hảo, màu nước xanh vàng sáng và bã màu xanh sáng. Có thể sử dụng chế biến chè cao cấp như chè ôlong.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Cần trồng dày, có thể trồng hàng kép, mật độ 2,0-2,2 vạn/ha và tiến hành đốn tạo hình sớm, sau 1 năm tuổi nên tiến hành đốn tạo hình lần 1 và tiếp tục đốn tạo hình vào tuổi 2-3. Cần phải hái nhẹ và tăng cường tỷ lệ lá chừa lại trên tán. Có thể áp dụng sửa tán và hái búp bằng máy hái. Hướng sử dụng chính là chế biến chè xanh chất lượng cao và chè ôlong.

Diễn hình áp dụng thành công

Đang hoàn thiện quy trình nhân giống và trồng mới tại các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang và Sơn La.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ
VIỆN KHKT NÔNG LÂM NGHIỆP MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

GIỐNG CHÈ PH9

Nguồn gốc

Tác giả: Đỗ Văn Ngọc, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Thị Phương và CTV., Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

PH9 là giống chè vô tính của Việt Nam, chọn lọc từ tổ hợp lai hữu tính giữa giống chè TRI-777 (giống chè shan chế biến chè xanh chất lượng cao của Srilanka được nhập nội năm 1977) và giống chè Kim Tuyên (giống chè nổi tiếng chế biến chè ôlong chất lượng cao).

Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 91 QĐ/TT-CN ngày 10/4/2009.

Đặc điểm chính

Thân gỗ nhỏ, phân cành thấp, số cành các cấp nhiều. Lá dày màu xanh đậm, bóng, mép lượn sóng, răng cưa nông đều, thế lá nằm ngang, lá hình trứng, dài lá 9,38cm, rộng lá 4,85cm, có 7-9 đôi gân lá. Cây sinh trưởng khỏe, bật mầm sớm, búp có tuyết trung bình, khối lượng búp 1 tôm 3 lá 1,20 g/búp. Sớm cho năng suất cao, tuổi 2 đã cho năng suất 2,88 tấn/ha, đến tuổi 8 đạt tới 15,80 tấn/ha, chịu thâm canh. Phù hợp nhân giống vô tính, dễ giâm cành và có hệ số nhân giống khá cao, cây con sinh trưởng khỏe cả ở vườn ươm và sau trồng, tỷ lệ sống cao.

Chất lượng tốt, hàm lượng tanin của giống PH9 đạt 30,54%, đường khử 2,74%, catechin T/S 159,95 mg/g chất khô, chất hoà tan 44,39%, axit amin 1,79%. Nguyên liệu búp có chất lượng tốt chế biến chè xanh đạt loại khá, điểm thử nếm đạt 16,60-17,12, hương thơm đặc trưng, màu nước xanh vàng sáng và bã màu xanh sáng.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống PH9 cần trồng dày, có thể trồng hàng kép, mật độ 2,0-2,2 vạn/ha và tiến hành đốn tạo hình sớm, sau 1 năm tuổi nên tiến hành đốn tạo hình lần 1 và tiếp tục đốn tạo hình vào tuổi 2-3. Cần phải hái nhẹ và tăng cường tỷ lệ lá chừa lại trên tán. Hướng sử dụng chính là chế biến chè xanh chất lượng cao và chè ôlong. Có thể áp dụng sửa tán và hái búp bằng máy hái.

Điển hình áp dụng thành công

Khả năng chịu hạn và giá lạnh tốt nên thích hợp phát triển tại vùng chè các tỉnh vùng núi phía Bắc.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ
VIỆN KHKTNLN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Đỗ Văn Ngọc, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Thị Hồng Lam, Trần Thị Lư, Nguyễn Thị Minh Phương và Phùng Lệ Quyên, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Giống chè PH10 được chọn lọc cá thể từ tập đoàn các giống chè có nguồn gốc Trung Quốc nhập vào Việt Nam năm 2000. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 230/QĐ-TT-CCN ngày 12 tháng 1 năm 2010.

Đặc điểm chính

Lá trưởng thành màu xanh đậm, chiều dài lá 8,42cm, rộng lá 3,36cm, lá có hình thuôn dài, có từ 6-7 đôi gân chính, phiến lá hơi cong hình lòng máng, răng cưa nông và đều. Búp màu xanh hơi phớt tím, nhiều lông tuyết, chiều dài búp tôm 3 lá đạt 6,34cm, khối lượng 0,85g, mật độ búp trung bình 235,8 búp/m². Năng suất tuổi 5 đạt 7,4 tấn/ha, chịu thâm canh. Dễ giâm cành, sinh trưởng trong vườn ươm khỏe, có tỷ lệ sống 90,5%, tỷ lệ xuất vườn là 80%, nhân giống ở tuổi 5 đạt 125 hom/cây. Có khả năng chống chịu sâu bệnh khá.

Nguyên liệu búp chè có chất lượng tốt, chế biến chè xanh có ngoại hình đẹp xoắn, xanh non, thoáng tuyết. Có hương thơm đặc trưng, vị đậm dịu, có hậu. Các chỉ tiêu chất lượng ổn định qua các thời vụ, điểm thử nếm chè xanh đạt từ 17,36-17,72 điểm. Có khả năng chế biến chè ôlong chất lượng cao.

Hướng sử dụng

PH10 thích hợp cho sản xuất chè xanh chất lượng cao.

Điển hình áp dụng thành công

Đang sản xuất thử tại các vùng chè phía Bắc.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ
VIỆN KHKTNLN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

GIỐNG CHÈ PH11

Nguồn gốc

Tác giả: Đỗ Văn Ngọc, Nguyễn Hữu La, Nguyễn Thị Minh Phương, Trần Thị Lư và Phùng Lệ Quyên, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Giống chè PH11 được chọn lọc cá thể từ tập đoàn giống chè có nguồn gốc Ấn Độ nhập vào Việt Nam năm 1996-2000. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 230/QĐ-TT-CCN ngày 12 tháng 1 năm 2010.

Đặc điểm chính

Lá màu xanh vàng sáng, chóp lá nhọn, răng cưa xít, nông đều, phiến lá gồ ghề lượn sóng, có 9-11 đôi gân lá, hình bầu dục, diện tích lá trưởng thành đạt 45,03 cm². Búp mập, ít lông tuyết. Chiều dài búp tôm 3 lá 8,53cm, khối lượng 1,56g.

Sinh trưởng khỏe, có mật độ búp lớn đạt 270,68 búp/m², diện tích tán lớn. Sớm cho năng suất cao và tốc độ tăng năng suất qua các năm rất nhanh, ở tuổi 2 đã đạt 5 tấn/ha đến tuổi 5 đạt tới 13,5 tấn/ha, bình quân 5 năm đạt 9,85 tấn/ha. Khả năng kháng sâu bệnh tốt. Dễ giâm cành, sinh trưởng trong vườn ươm khỏe, có tỷ lệ sống 93,3% và xuất vườn 87%, hệ số hom từ 175-180 hom/cây.

Hàm lượng tanin cao 38,25%, axit amin thấp 1,58%, thích hợp chế biến chè đen chất lượng tốt, màu nước rất đặc trưng của sản phẩm chè đen (đỏ nâu viền vàng), hương thơm nhẹ, vị đậm dịu, điểm thử nếm gần 17 điểm.

Hướng sử dụng

Thích hợp cho chế biến chè đen chất lượng cao. Nguyên liệu hơi thô, nên chế biến theo công nghệ CTC.

Diễn hình áp dụng thành công

Đang sản xuất thử tại các vùng chè các tỉnh trung du miền núi phía Bắc.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ
VIỆN KHKTNLN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Hữu La, Đỗ Văn Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Lam và Nguyễn Văn Toàn, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Giống chè PH12 được chọn lọc cá thể từ tập đoàn các giống chè shan rừng Suối Giàng, Yên Bái (năm 2004 được công nhận 13 cây chè shan đầu dòng). Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 230/QĐ-TT-CCN ngày 12 tháng 1 năm 2010.

Đặc điểm chính

Kích thước lá lớn, diện tích lá đạt $60,31\text{cm}^2$, dài lá $14,0\text{cm}$, rộng lá $5,0\text{cm}$. Lá trưởng thành màu xanh đậm, phiến lá gồ ghề, răng cưa sâu, hình thuôn dài. Búp chè có nhiều lông tuyết trắng, chiều dài búp tôm 2 lá $5,95\text{cm}$, khối lượng búp $1,16\text{g}$. Dạng thân gỗ, mức độ phân cành trung bình, hình thành búp sớm và kết thúc sinh trưởng muộn. Sinh trưởng khỏe, tuổi 5 chiều cao cây đạt $87,80\text{cm}$, rộng tán đạt $71,00\text{cm}$, đường kính thân 4cm . Chống chịu sâu bệnh khá. Lưu ý: Nhân giống bằng giâm cành tỷ lệ xuất vườn thấp 65%.

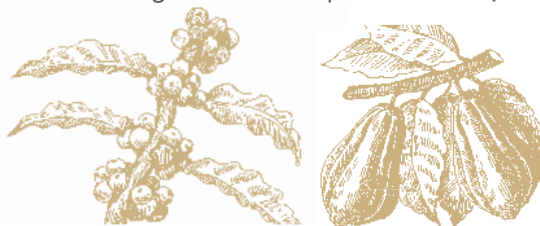
Có tiềm năng năng suất cao và sớm cho năng suất cao. Ở tuổi 3 đã đạt $5,2\text{ tấn/ha}$, tuổi 4 năng suất đạt $8,5\text{ tấn/ha}$ và năng suất trung bình 3 năm đạt $7,21\text{ tấn/ha}$. Hàm lượng tanin, cafein thấp, hàm lượng đường cao, đặc biệt hợp chất thơm lớn nhất. Sản phẩm chè xanh, chè đen đạt loại khá, có hương vị đậm đà, có hậu đặc trưng của sản phẩm chè shan, sản phẩm chè đen có vị dịu ngọt.

Hướng sử dụng

Thích hợp các vùng chè miền núi phía Bắc có độ cao so với mặt nước biển trên 600m , làm nguyên liệu sản xuất chè đen.

Diễn hình áp dụng thành công

Đang sản xuất thử tại các tỉnh trung du miền núi phía Bắc ở độ cao trên 600m .



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ
VIỆN KHKTNLN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

GIỐNG CHÈ PH14

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Hữu La, Đỗ Văn Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Lam và Nguyễn Văn Thiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Giống chè PH14 được chọn lọc cá thể từ tập đoàn các giống chè shan rừng tại xã Thượng Sơn, Vị Xuyên, Hà Giang (năm 2004 được công nhận 13 cây chè shan đầu dòng). Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 230/QĐ-TT-CCN ngày 12 tháng 1 năm 2010.

Đặc điểm chính

Lá màu xanh đậm, búp non xanh phớt tím. Sinh trưởng khỏe, búp có nhiều lông tuyết. Chất lượng sản phẩm chè xanh, chè đen đạt loại khá, vị đậm có hậu đặc trưng của sản phẩm chè shan. Sản phẩm chè đen có vị dịu ngọt. Khả năng chống chịu sâu bệnh khá, riêng đối với nhện đỏ bị hại nặng.

Khả năng nhân giống vô tính bằng phương pháp giâm cành có tỷ lệ sống cao đạt 95%, tỷ lệ xuất vườn đạt 85%.

Hướng sử dụng

Thích hợp các vùng chè miền núi phía Bắc có độ cao so với mặt nước biển trên 600m, làm nguyên liệu sản xuất chè đen. Lưu ý phòng trừ nhện đỏ gây hại.

Diễn hình áp dụng thành công

Đang sản xuất thử tại các tỉnh trung du miền núi phía Bắc ở độ cao trên 600m.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ VIỆN KHKTNLN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

GIỐNG CHÈ SHAN CHẤT TIỀN

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Hữu La, Đỗ Văn Ngọc và Phạm Thị Tĩnh, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Shan Chất tiền là giống chè vô tính của Việt Nam, được chọn lọc từ tập đoàn chè Shan Hà Giang của Viện Nghiên cứu Chè (1999) trồng tại Phú Hộ. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận tạm thời năm 2006.

Đặc điểm chính

Thân gỗ lớn, phân cành thưa, cành to, tán rộng, lá dài 12,9cm, rộng 4,4cm, có 9-10 đôi gân lá. Diện tích lá lớn 39,7cm², thể lá ngang, màu sắc xanh vàng, khối lượng búp 1 tôm 3 lá 1,43g. Cây sinh trưởng khoẻ, thích ứng rộng, bật mầm sớm. Trồng tập trung công nghiệp và thâm canh có khả năng cho năng suất cao. Kết quả trồng thực nghiệm tại Phú Hộ cho thấy tuổi 5 cho năng suất 10 tấn/ha. Chè ổn định kinh doanh, năng suất đạt 15-18 tấn/ha, năng suất cao nhất 25 tấn/ha. Chất lượng tốt, hàm lượng tanin 31,56%, chất hoà tan 38,20%, cafein 2,56%, đường 2,65% và axit amin 0,36%. Chất lượng chè xanh khá, chè đen rất tốt. Phù hợp nhân giống vô tính, dễ giâm cành và có hệ số nhân giống khá cao, cây con sinh trưởng khoẻ cả ở vườn ươm và sau trồng, tỷ lệ sống cao.

Giống Shan Chất Tiền trồng phân tán tại vùng cao Hà Giang, Sơn La, Lào Cai cũng sinh trưởng rất tốt. Chè 4 tuổi tại Cao Bồ-Hà Giang đã có chiều cao trên 3m, tán rộng 2m, đường kính thân cây trên 3cm.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống Shan Chất Tiền là giống năng suất cao, chịu thâm canh cao. Do đặc điểm thân cao, tán lớn nên cần phải trồng thưa 1,2-1,4 vạn cây/ha, tiến hành đốn tạo hình sớm và đốn cao 35cm trong 1-2 năm đầu. Cần phải hái san trật và tăng cường lá chừa lại trên tán, chỉ sử dụng máy hái để sửa tán.

Thích hợp trồng ở những vùng đồi núi cao, đất tốt như Sơn La, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai. Có thể trồng ở vùng thấp, đất tốt để sản xuất chè đen chất lượng cao.

Diễn hình áp dụng thành công

Các vùng chè shan thuộc các tỉnh Sơn La, Yên Bái, Hà Giang và Lào Cai.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHÈ VIỆN KHKTNLN MIỀN NÚI PHÍA BẮC

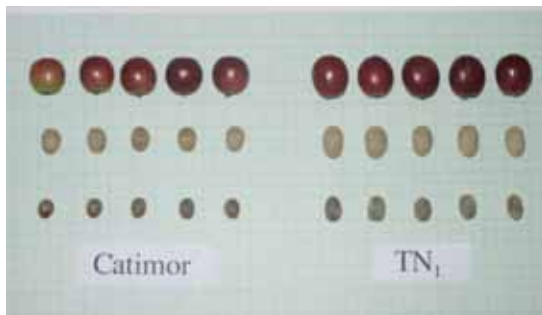
ĐC: Xã Phú Hộ, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 3241160; Website: www.nomafsi.com.vn

GIỐNG CÀ PHÊ CHÈ TN1

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thanh Tiệm, Trần Anh Hùng, Đinh Thị Tiểu Oanh và Vũ Thị Trâm, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống TN1 là con lai F1 giữa KH3-1 (vật liệu hoang dại được thu thập từ Ethiopia) x Catimor (giống thương mại đang được trồng phổ biến tại Việt Nam). Giống TN1 được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống chính thức năm 2010.



Đặc điểm chính

Cây ghép sinh trưởng trung bình, thấp cây, bộ tán bé và gọn, lông đốt ngắn. Ngoại hình không khác nhiều với giống Catimor. Sau 30 tháng trồng cây cao 157cm, chiều dài cành cấp 1 khoảng 70-75cm và có 19 đốt. Cành cấp 1 vươn thẳng tạo với thân chính một góc 55-60°. Quả chín có màu đỏ, khối lượng 100 nhân trên 16g, tỷ lệ tươi/nhân thấp khoảng 5,5-6 tùy điều kiện trồng trọt. Khả năng phân cành cấp 2 nhiều và có tiềm năng năng suất rất cao. Kháng rất cao với bệnh gỉ sắt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Do TN1 là giống lai F1 nên cần nhân giống bằng phương pháp vô tính (nuôi cấy mô, ghép non nổi ngọn), chăm sóc theo quy trình kỹ thuật chung cho cây cà phê chè.

Điển hình áp dụng thành công

Các vùng trồng cà phê chè chính của các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Quảng trị, Đắk Lắk, Lâm Đồng.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

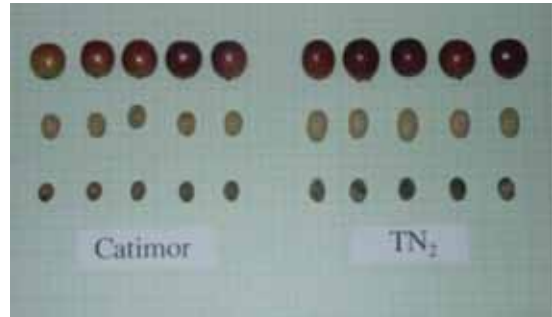
**VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT
NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN**

ĐC: 53 Nguyễn Lương Bằng, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thanh Tiệm, Trần Anh Hùng, Đinh Thị Tiểu Oanh và Vũ Thị Trâm, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống TN1 là con lai F1 giữa KH33 (vật liệu hoang dại được thu thập từ Ethiopia) x Catimor (giống thương mại đang được trồng phổ biến tại Việt Nam). Giống TN1 được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống chính thức năm 2010.



Đặc điểm chính

Cây ghép sinh trưởng trung bình, thấp cây, bộ tán bé và gọn, lông đốt ngắn. Ngoại hình không khác nhiều với giống Catimor. Sau 30 tháng trồng cây cao 140cm, chiều dài cành cấp 1 khoảng 75-80cm và có trên 20 đốt. Cành cấp 1 vươn thẳng tạo với thân chính một góc 55-60°. Quả chín có màu đỏ, khối lượng 100 nhân trên 14,5g, tỷ lệ tươi/nhân thấp khoảng 5,5-6 tùy điều kiện trồng trọt. Khả năng phân cành cấp 2 nhiều và có tiềm năng năng suất rất cao. Kháng rất cao với các nòi sinh lý của bệnh gỉ sắt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Do TN2 là giống lai F1 nên cần nhân giống bằng phương pháp vô tính (nuôi cấy mô, ghép non nổi ngọn), chăm sóc theo quy trình kỹ thuật chung cho cây cà phê chè.

Diễn hình áp dụng thành công

Các vùng trồng cà phê chè chính của các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Quảng Trị, Đắk Lắk, Lâm Đồng.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT
NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN**

ĐC: 53 Nguyễn Lương Bằng, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

GIỐNG CÀ PHÊ VỒI TR9

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thanh Tiệm, Chế Thị Đa, Trần Anh Hùng, Đinh Thị Tiểu Oanh, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Đình Thoảng, Phạm Công Trí, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống TR9 được tuyển chọn từ tập đoàn giống cà phê vối tại Đắk Lắk. Nguồn vật liệu ban đầu thu thập cây đầu dòng tại xã Hòa Thắng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, năm 1996. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức theo Quyết định số 175/QĐ-TT-CCN, ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

Sinh trưởng khỏe, tán to trung bình, phân cành ít, cành hơi rũ, dạng lá thuôn dài, lá thuần thực có màu xanh đậm. Năng suất: 4-6 tấn nhân/ha; khối lượng 100 nhân: 23g, hạt loại 1: > 95%, tỷ lệ tươi/nhân: 4,5. Kháng cao đối với bệnh gỉ sắt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đây là giống có năng suất khá cao, kích cỡ hạt rất lớn, yêu cầu sản xuất giống TR9 phải theo quy trình kỹ thuật nhân vô tính để đảm bảo giữ nguyên đặc tính của giống và chăm sóc theo quy trình thâm canh cao. Đặc biệt cần chú ý tạo hình để có năng suất ổn định. Trên vườn trồng phối hợp với các giống cà phê vối khác.

Thích ứng rộng trên tất cả các vùng trồng cà phê vối. Đặc biệt giống này phát triển rất tốt ở Lâm Đồng.

Điển hình áp dụng thành công

Một số mô hình sản xuất tiêu biểu: Xã Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; xã Đắk Blao, huyện Đắk Min, tỉnh Đắk Nông; xã Ea Kênh, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk; xã Đắk Uy, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN

ĐC: Số 53 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thắng,
TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thanh Tiệm, Chế Thị Đa, Trần Anh Hùng, Đinh Thị Tiểu Oanh, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Đình Thoảng, Phạm Công Trí, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống TR11 được tuyển chọn từ tập đoàn giống cà phê vối. Nguồn vật liệu ban đầu thu thập cây đầu dòng tại Krông Păk (Công ty Cà phê Thắng Lợi), tỉnh Đắk Lắk, năm 1996. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức theo Quyết định số 175/QĐ-TT-CCN, ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

Sinh trưởng khỏe, cây cao, tán to, phân cành ít, cành xiên đứng, dạng lá mũi mác, lá thuần thực có màu xanh vàng. Năng suất: 4-7 tấn nhân/ha (tùy thuộc vào điều kiện chăm sóc từng vùng). Khối lượng 100 nhân: 18,5g, hạt loại 1: >90 %, tỉ lệ tươi/nhân: 4,2-4,4. Kháng cao đối với bệnh gỉ sắt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đây là giống có năng suất khá cao, chất lượng hạt tốt, yêu cầu sản xuất giống theo quy trình kỹ thuật nhân vô tính để đảm bảo giữ nguyên đặc tính của giống và chăm sóc theo quy trình thâm canh cao. Trên vườn trồng phối hợp với các giống cà phê vối khác.

Thích ứng trên tất cả các vùng trồng cà phê vối. Đặc biệt giống này phát triển rất tốt và cho năng suất cao nhất ở Lâm Đồng.

Diễn hình áp dụng thành công

Một số mô hình sản xuất tiêu biểu: Xã Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; xã Đắk Blao, huyện Đắk Min, tỉnh Đắk Nông; xã Ea Kênh, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk; xã Đắk Uy, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT
NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN**

ĐC: Số 53 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thắng,
TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

GIỐNG CÀ PHÊ VỚI TR12

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thanh Tiệm, Chế Thị Đa, Trần Anh Hùng, Đinh Thị Tiểu Oanh, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Đình Thoảng, Phạm Công Trí, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống TR12 được tuyển chọn từ tập đoàn giống cà phê với tại Đắk Lắk. Nguồn vật liệu ban đầu thu thập cây đầu dòng tại Cư M'gar, Đắk Lắk, năm 1996. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức tại Quyết định số 175/QĐ-TT-CCN, ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

Sinh trưởng khỏe, tán trung bình, phân cành thứ cấp nhiều, cành ngắn, dạng lá hơi to, lá thuần thực có màu xanh đậm. Năng suất: 4-5 tấn nhân/ha. Chất lượng hạt: khối lượng 100 nhân: 25g, hạt loại 1: 100 %, tỷ lệ tươi/nhân: 4,2-4,5. Kháng cao đối với bệnh gỉ sắt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đây là giống có năng suất khá cao, kích cỡ hạt rất lớn, yêu cầu sản xuất giống phải theo quy trình kỹ thuật nhân vô tính để đảm bảo giữ nguyên đặc tính của giống và chăm sóc theo quy trình thâm canh cao. Đặc biệt cần chú ý tạo hình mạnh để có năng suất ổn định. Trong chế biến cần phân loại vì đây là giống có kích cỡ hạt rất lớn, hạt loại 1 đạt 100% rất có giá trị trong xuất khẩu. Trên vườn trồng phối hợp với các giống cà phê với khác.

Thích ứng rộng trên tất cả các vùng trồng cà phê với.

Diễn hình áp dụng thành công

Một số mô hình sản xuất tiêu biểu: Xã Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; xã Đắk Blao, huyện Đắk Min, tỉnh Đắk Nông; xã Ea Kênh, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk; xã Đắk Uy, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum...



**VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT
NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN**

ĐC: Số 53 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thắng,
TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

GIỐNG CÀ PHÊ VỐI TR13

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thanh Tiệm, Chế Thị Đa, Trần Anh Hùng, Đinh Thị Tiểu Oanh, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Đình Thoảng, Phạm Công Trí, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống TR13 được tuyển chọn từ tập đoàn giống cà phê vối tại Đắk Lắk. Nguồn vật liệu ban đầu thu thập cây đầu dòng tại Xuân Thanh, Đồng Nai, năm 1996. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức theo Quyết định số 175/QĐ-TT-CCN, ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

Sinh trưởng khỏe, tán to trung bình, phân cành nhiều, cành hơi rủ, dạng lá nhỏ, gợn sóng, lá thuần thực có màu xanh vàng. Năng suất: 4-7 tấn nhân/ha; Chất lượng hạt: Khối lượng 100 nhân: 19g, hạt loại 1: Trên 90%. Kháng cao đối với bệnh gỉ sắt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đây là giống có năng suất khá cao, kích cỡ hạt rất lớn, yêu cầu sản xuất giống TR13 phải theo quy trình kỹ thuật nhân vô tính để đảm bảo giữ nguyên đặc tính của giống và chăm sóc theo quy trình thâm canh cao. Đặc biệt cần chú ý tạo hình để có năng suất ổn định. Trên vườn trồng phối hợp với các giống cà phê vối khác.

Thích ứng rộng trên tất cả các vùng trồng cà phê vối. Đặc biệt giống này phát triển rất tốt ở Kon Tum.

Điển hình áp dụng thành công

Một số mô hình sản xuất tiêu biểu: Xã Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; xã Đắk Blao, huyện Đắk Min, tỉnh Đắk Nông; xã Ea Kênh, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk; xã Đắk Uy, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN

ĐC: Số 53 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thắng,
TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

GIỐNG MÍA KK2

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Đức Quang và cộng sự, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Giống KK2 có nguồn gốc từ Thái Lan, nhập nội vào Việt Nam từ 2005. Đây là giống chọn lọc từ tổ hợp lai giữa 2 giống mía K85-2 x K88-200 do Thái Lan lai tạo và tuyển chọn. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ tại Quyết định số 55 QĐ-TT-CCN ngày 22/2/2011.

Đặc điểm chính

Bụi hơi xoè, cây đều, lóng gốc sít, nhiều rễ phụ. Cây mầm lộ ra ánh sáng có màu đỏ tím. Mầm hình ngũ giác, to, lồi, không có lông, có cánh mầm, không có rãnh mầm. Đai sinh trưởng rộng, lồi, có 2-4 hàng điểm rễ không đều. Bẹ lá có sấp nhiều, không lông, màu phớt tím, không tự bong.

Mọc mầm và đẻ nhánh sớm, tập trung, tốc độ vươn lóng mạnh. Mật độ cây hữu hiệu cao và rất đồng đều, tái sinh gốc tốt, chín sớm. Kháng bệnh than, bệnh thối đỏ, bệnh xoắn cổ lá. Đổ ngã trung bình, dễ nhiễm sâu đục thân trên, chân đất thấp, đất gần ruộng lúa. Năng suất nông nghiệp khá, trong điều kiện thâm canh có thể đạt 80-100 tấn/ha. Hàm lượng đường cao đầu vụ, chín sớm. CCS trung bình đạt 12-13%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên vùng đất cao, chịu hạn tốt, chịu thâm canh, tránh bị ngập úng cục bộ. Tại Bắc Trung Bộ, trồng vụ 1 (Đông Xuân) từ tháng 2 đến tháng 3 dương lịch và vụ Hè Thu từ tháng 9 đến tháng 10 dương lịch. Tại Nam Trung Bộ, chủ yếu trồng vào tháng 4 đến tháng 6 dương lịch.

Làm đất kỹ và xử lý sâu bệnh trước khi trồng. Mật độ trồng 35-40 ngàn hom 3 mắt mầm/ha. Lượng phân bón cho mỗi ha: Phân hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha hoặc 20 tấn phân chuồng, vôi bột 1 tấn, 185-230 kg N, 99-130 kg P, 180-210 kg K và 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt. Vôi bón ngay trước khi cày đất lần cuối. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, 1/3 phân đạm, 1/2 phân kali và thuốc trừ sâu dạng hạt. Bón thúc lần 1 sau trồng 45 ngày với lượng 1/3 phân đạm kết hợp xới xáo. Bón thúc lần 2 lượng phân còn lại sau lần bón thúc 1 khoảng 40 ngày.

Điển hình áp dụng thành công

Giống đã khảo nghiệm có kết quả tốt tại Nghĩa Đàn (Nghệ An), Sơn Hòa (Phú Yên). Hiện được trồng tại Tân Châu (Tây Ninh), Ninh Hòa (Khánh Hòa).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU MÍA ĐƯỜNG

ĐC: Xã Phú An, Bến Cát, Bình Dương
ĐT: 0650. 3580470; Fax: 0650. 3562267

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Đức Quang và cộng sự, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Giống K88-200 có nguồn gốc từ Thái Lan, nhập nội vào Việt Nam từ 2005. Đây là giống chọn lọc từ tổ hợp lai giữa 2 giống mía ROC1 x CP63-588 do Thái Lan lai tạo và tuyển chọn. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử cho vùng Đông Nam bộ tại Quyết định số 55 QĐ-TT-CCN ngày 22/2/2011.

Đặc điểm chính

Dáng bụi hơi xòe, lóng gốc sít, rễ phụ trung bình, dáng ngọn xòe xiên. Thân cây trung bình to, lóng hình trụ, lóng nổi hơi zigzag, màu xanh ản vàng, dãi nắng màu vàng, có nhiều sáp phủ, không có vết nứt sinh trưởng. Mầm hình tròn, đỉnh mầm không có chùm lông, có cánh mầm rộng đóng nửa trên của mầm, có rãnh mầm dài, nông. Đai sinh trưởng hẹp, lồi. Đai rễ có 3-4 hàng điểm rễ xếp không đều, điểm rễ rõ. Sọ lá rõ. Bẹ lá màu xanh ản vàng, có sáp phủ, rất ít lông, không tự bong lá. Có hai tai lá, tai lá trong dài, hình mác, tai lá ngoài ngắn, hình tam giác. Lá thìa dài, giữa vòng lên. Cỏ lá hình tam giác, màu hồng.

Là giống chín muộn, chất lượng khá, tốc độ vươn lóng chậm giai đoạn đầu, giai đoạn sau nhanh, mật độ cây hữu hiệu cao. Kháng sâu bệnh hại, bị đổ ngã nhẹ, không hoặc ít trổ cờ, khả năng lưu gốc tốt, năng suất cao đạt trên 100 tấn/ha. Hàm lượng đường cao, CCS đạt 12-13%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên vùng đất xám phù sa cổ, tuy nhiên tránh bị ngập úng cục bộ. Tại Đông Nam Bộ, trồng vụ 1 (Đông Xuân) từ tháng 11 đến tháng 12 dương lịch và vụ Hè Thu từ tháng 5 đến tháng 6 dương lịch.

Làm đất kỹ và xử lý sâu bệnh trước khi trồng. Mật độ trồng: 35-40 ngàn hom 3 mắt mầm/ha. Lượng phân bón các loại cho mỗi ha mía: Phân hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha hoặc 20 tấn phân chuồng, vôi bột 1 tấn, 230 kg N, 165 kg P, 240 kg K và 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt. Vôi bón ngay trước khi cây đất lần cuối. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, 1/3 phân đạm, 1/2 phân kali và thuốc trừ sâu dạng hạt. Bón thúc lần 1 sau trồng 45 ngày với lượng 1/3 phân đạm kết hợp xới xáo. Bón thúc lần 2 các lượng phân còn lại sau lần thúc 1 khoảng 35-40 ngày.

Diễn hình áp dụng thành công

Giống đã khảo nghiệm có kết quả tốt tại Tân Hội, Tân Châu (Tây Ninh) và Phú An, Bến Cát (Bình Dương).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ MÍA ĐƯỜNG

ĐC: Xã Phú An, Bến Cát, Bình Dương
ĐT: 0650. 3580470; Fax: 0650. 3562267

GIỐNG MÍA K95-156

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Đức Quang và cộng sự, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Giống K95-156 có nguồn gốc từ Thái Lan, nhập nội vào Việt Nam từ 2005. Đây là giống chọn lọc từ tổ hợp lai giữa 2 giống mía PL310 X U-Thong 1 do Thái Lan lai tạo và tuyển chọn. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử cho vùng Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Nam Trung Bộ tại Quyết định số 55/QĐ-TT-CCN ngày 22/2/2011.

Những đặc điểm chính

Thân to, không đều cây, lóng hình trụ, nổi zigzag, màu xanh ửng vàng. Mầm hình trứng, đỉnh mầm có chùm lông, có cánh mầm hẹp, mầm nằm cách sẹ lá tạo thành vết lõm, không có rãnh mầm. Đai sinh trưởng rộng, lồi, màu sáng trong. Đai rế có 3-4 hàng điểm rế xếp đều, điểm rế rõ. Bẹ lá màu xanh, có sáp phủ, rất ít lông. Có 2 tai lá ngắn, tai lá trong dài hình cựa, tai lá ngoài hình tam giác. Cỏ lá to hình tam giác, màu hồng, có chùm lông ở mép. Phiến lá ngắn, rộng, lá dày, cứng, mép lá sắc, màu xanh đậm. Mọc mầm khỏe, đồng đều, dễ nhánh khá, tốc độ vươn lóng nhanh, mật độ cây cao, có khả năng chống chịu sâu đục thân, bệnh than; chịu hạn, không bị đổ ngã, lưu gốc tốt. Năng suất cao, có thể đạt trên 100 tấn/ha. Hàm lượng đường cao, CCS có thể đạt 10-13%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên nhiều loại đất, vùng Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Tại Đông Nam Bộ, trồng vụ 1 (Đông Xuân) từ tháng 11 đến tháng 12 dương lịch và vụ Hè Thu từ tháng 5 đến tháng 6 dương lịch.

Làm đất kỹ và xử lý sâu bệnh trước khi trồng. Mật độ trồng: 8 tấn giống hoặc 40 ngàn hom 3 mắt mầm/ha. Lượng phân bón các loại cho mỗi ha mía áp dụng trên cả ba vùng: Phân hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha hoặc 20 tấn phân chuồng, vôi bột 1 tấn, 250 kg N, 165 kg P, 240 kg K và 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt. Vôi bón ngay trước khi cày đất lần cuối. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, 1/3 phân đạm, 1/2 phân kali và thuốc trừ sâu dạng hạt. Bón thúc lần 1 sau trồng 45 ngày với lượng 1/3 phân đạm kế hợp xới xáo. Bón thúc lần 2 các lượng phân còn lại sau lần bón thúc 1 khoảng 35-40 ngày.

Diễn hình áp dụng thành công

Giống đã khảo nghiệm có kết quả tốt tại Bến Lức (Long An), Long Phú (Sóc Trăng), Cam Lâm, Ninh Hòa (Khánh Hòa), Tân Châu (Tây Ninh) và Bến Cát (Bình Dương).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU MÍA ĐƯỜNG

ĐC: Xã Phú An, Bến Cát, Bình Dương
ĐT: 0650. 3580470; Fax: 0650. 3562267

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Đức Quang và cộng sự, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Giống có nguồn gốc từ Thái Lan, nhập nội vào Việt Nam từ 2005. Đây là giống chọn lọc từ tổ hợp lai giữa 2 giống mía Co775 x K84-200 do Thái Lan lai tạo và tuyển chọn. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử ở Tây Nam Bộ theo Quyết định số 55 QĐ-TT-CCN ngày 22/2/2011.

Đặc điểm chính

Dáng bụi hơi xòe, lóng gốc sít, rễ phụ trung bình, dáng ngọn xòe và cong. Thân to, đều cây, lóng hình chùy xuôi, nổi hơi zigzag, màu xanh ần vàng, không có vết nứt sinh trưởng. Mầm hình tròn, lồi, đỉnh mầm có chùm lông vượt đai sinh trưởng, có cánh mầm, có rãnh mầm nông và rộng. Đai sinh trưởng rộng trung bình, hơi lồi, màu sáng trong. Đai rễ có 3-4 hàng điểm rễ xếp không đều, điểm rễ rõ. Sẹo lá rõ, bẹ lá màu xanh, có sáp phủ, có lông trung bình, tự bong lá. Có hai tai lá to, ngắn, một hình tam giác và một hình cựa. Lá thìa dài, cong, đều. Cỏ lá to, hình sừng bò.

Mọc mầm khá, dễ nhánh trung bình. Tốc độ vươn lóng giai đoạn đầu chậm, giai đoạn sau nhanh hơn. Kháng sâu đục thân, bị bệnh trên lá nhẹ. Không bị trổ cờ và không bị đổ ngã. Khả năng lưu gốc tốt, năng suất cao, đạt từ 100-120 tấn/ha. Hàm lượng đường khá, CCS đạt trên 11%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên nhiều vùng đất khác nhau. Tại Đông Nam Bộ, trồng vụ 1 (Đông Xuân) từ tháng 11 đến tháng 12 dương lịch và vụ Hè Thu từ tháng 5 đến tháng 6 dương lịch.

Làm đất kỹ và xử lý sâu bệnh trước khi trồng. Mật độ trồng: 35-40 ngàn hom 3 mắt mầm/ha. Lượng phân bón các loại cho mỗi ha mía: Phân hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha hoặc 20 tấn phân chuồng, vôi bột 1 tấn, 250 kg N, 125 kg P, 250 kg K và 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt. Vôi bón ngay trước khi cày đất lần cuối. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, 1/3 phân đạm, 1/3 phân kali và thuốc trừ sâu dạng hạt. Bón thúc lần 1 sau trồng 45 ngày với lượng 1/3 phân đạm và 1/3 phân kali kết hợp xới xáo và trồng dặm. Bón thúc lần 2 các lượng phân còn lại sau lần bón thúc 1 khoảng 35-40 ngày, kết hợp xới xáo vô chân ẩm và vùi lấp phân.

Diễn hình áp dụng thành công

Giống đã khảo nghiệm tốt tại xã Lương Hòa (Bến Lức, Long An).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU MÍA ĐƯỜNG

ĐC: Xã Phú An, Bến Cát, Bình Dương
ĐT: 0650. 3580470; Fax: 0650. 3562267

GIỐNG MÍA KU00-1-61

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Đức Quang và cộng sự, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Giống có nguồn gốc từ Thái Lan, nhập nội vào Việt Nam từ 2005. Đây là giống chọn lọc từ tổ hợp lai của giống mía K84-200 x đa giao do Đại học Kasertsat, Thái Lan lai tạo và tuyển chọn. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử ở vùng Tây Nam Bộ theo Quyết định số 55 QĐ-TT-CCN ngày 22/2/2011.

Đặc điểm chính

Thân có màu xanh ản vàng, thân to, đồng đều, lóng hình trụ, dáng thẳng. Mầm hình trứng, rãnh mầm ngắn. Đai sinh trưởng rộng, điểm rể rõ 2-3 hàng xếp không đều. Bẹ lá có sấp phủ màu xanh ản vàng. Phiến lá rộng, dài và mỏng, màu xanh mép lá sắc, mềm lá hơi rủ xuống. Bẹ lá ôm thân.

Khả năng mọc mầm tốt. Đẻ nhánh trung bình. Sức vươn lóng nhanh, ít đổ ngã. Khả năng chịu sâu đục thân, bệnh than và bệnh thối rễ tốt. Khả năng chịu úng, hạn khá. Năng suất cao, chịu thâm canh cao, kết quả khảo nghiệm ở Hậu Giang đạt trung bình 108 tấn/ha. Hàm lượng đường cao, kết quả khảo nghiệm ở Hậu Giang CCS đạt 13,38%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên nhiều vùng đất khác nhau. Tại Đông Nam Bộ, trồng vụ 1 (Đông Xuân) từ tháng 11 đến tháng 12 dương lịch và vụ Hè Thu từ tháng 5 đến tháng 6 dương lịch.

Làm đất kỹ và xử lý sâu bệnh trước khi trồng. Mật độ trồng: 35-40 ngàn hom 3 mắt mầm/ha. Lượng phân bón các loại cho mỗi ha mía: Phân hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha hoặc 20 tấn phân chuồng, vôi bột 1 tấn, 250 kg N, 165 kg P, 240 kg K và 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt. Vôi bón ngay trước khi cày đất lần cuối. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, 1/3 phân đạm, 1/3 phân kali và thuốc trừ sâu dạng hạt. Bón thúc lần 1 sau trồng 45 ngày với lượng 1/3 phân đạm và 1/3 phân kali kết hợp xới xáo và trồng dặm. Bón thúc lần 2 các lượng phân còn lại sau lần bón thúc 1 khoảng 35-40 ngày, kết hợp xới xáo vô chân ẩm và vùi lấp phân.

Diễn hình áp dụng thành công

Giống khảo nghiệm đạt kết quả tốt tại xã Lương Hòa (Bến Lức, Long An).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU MÍA ĐƯỜNG

ĐC : Xã Phú An, Bến Cát, Bình Dương
ĐT: 0650. 3580470; Fax: 0650. 3562267

GIỐNG MÍA SUPHANBURI 7

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Đức Quang và cộng sự, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Giống có nguồn gốc từ Thái Lan, nhập nội vào Việt Nam từ 2005. Đây là giống chọn lọc từ tổ hợp lai giữa dòng mía 85-2-352 x K84-200 do Trung tâm Nghiên cứu Giống Suphan Buri, Thái Lan lai tạo và tuyển chọn. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử ở vùng Tây Nam Bộ và Nam Trung Bộ tại Quyết định số 55 QĐ-TT-CCN ngày 22/2/2011.

Đặc điểm chính

Dáng bụi gọn, lóng gốc sít trung bình, ít rễ phụ, dáng ngọn xòe cong. Thân to, không đều cây, lóng hình chùy xuôi, nổi thẳng, màu xanh ả vàng, không có vết nứt sinh trưởng. Mầm hình thoi, có cánh mầm, đỉnh mầm không có chùm lông, không có rãnh mầm. Đai sinh trưởng lồi. Đai rễ có 3-4 hàng điểm rễ xếp không đều, điểm rễ rõ. Sẹo lá rõ. Bẹ lá màu xanh ả vàng, có sáp phủ, không có lông, bẹ lá không tự bong. Có hai tai lá, tai lá trong dài hình mác, tai lá ngoài ngắn, to, hình tam giác. Lá thìa dài. Cổ lá hình tam giác, màu tím.

Mọc mầm khỏe, nhanh và đồng đều, dễ nhánh mạnh, mật độ cây hữu hiệu cao, tốc độ vươn lóng nhanh. Kháng sâu đục thân, bị bệnh trên lá nhẹ, trổ cờ trung bình, bị đổ ngã nhẹ, khả năng lưu gốc tốt, năng suất mía cây cao. Hàm lượng đường cao, CCS có thể đạt 11-13%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên nhiều vùng đất khác nhau. Tại Đông Nam Bộ, trồng vụ 1 (Đông Xuân) từ tháng 11 đến tháng 12 dương lịch và vụ Hè Thu từ tháng 5 đến tháng 6 dương lịch.

Làm đất kỹ và xử lý sâu bệnh trước khi trồng. Mật độ trồng: 35-40 ngàn hom 3 mắt mầm/ha. Lượng phân bón các loại cho mỗi ha mía: Phân hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha hoặc 20 tấn phân chuồng, vôi bột 1 tấn. Vùng Tây Nam Bộ và Nam Trung Bộ cùng bón 250 kg N, 165 kg P, 240 kg K và 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt. Vôi bón ngay trước khi cày đất lần cuối. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, 1/3 phân đạm, 1/2 phân kali và thuốc trừ sâu dạng hạt. Bón thúc lần 1 sau trồng 45 ngày với lượng 1/3 phân đạm kết hợp xới xáo. Bón thúc lần 2 các lượng phân còn lại sau lần bón thúc 1 khoảng 35-40 ngày.

Điển hình áp dụng thành công

Giống đã khảo nghiệm có kết quả tốt tại xã Lương Hòa (Bến Lức, Long An).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU MÍA ĐƯỜNG

ĐC: Xã Phú An, Bến Cát, Bình Dương
ĐT: 0650. 3580470; Fax: 0650. 3562267

GIỐNG CAO SU VN_g77-2

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Quốc Doanh, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Huy Thuấn. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Giống VN_g 77-2 là giống lai (GT1 x PR 107) của Viện Cây trồng Nhiệt đới Vân Nam, Trung Quốc, do Viện KHKTNLN MNPB nhập nội và khảo nghiệm. Giống được công nhận cho sản xuất thử năm 2011.

Đặc điểm chính

Chịu lạnh rất tốt. Thân cây thẳng đứng, cao to, vỏ cây trơn nhẵn, phân cành rõ, mắt mầm ở gần vết lá. Tầng lá hình cung. Tuyến mật hơi lồi lên, điểm tuyến hơi nhỏ, 3-4 cái, trong đó 1 cái lồi lên, màu vàng nhạt. Lá dài hình quả trám, màu vàng nhạt. Lá chét giữa hình thuẩn, lá dài, tỷ lệ dài/rộng > 2, góc đầu lá hẹp. Mủ màu trắng. Khả năng sinh trưởng mạnh, vánh thân vượt tiêu chuẩn của quy trình kỹ thuật trồng cao su 17%. Nhiễm nhẹ bệnh phấn trắng. Tỷ lệ ghép sống đạt 83,9%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phát triển được tại một số tỉnh miền núi Tây Bắc.

Diễn hình áp dụng thành công

Đang trồng thử nghiệm tại các tỉnh Phú Thọ, Sơn La, Yên Bái và Lai Châu.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐC: Xã Phú Hộ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 38655073; Website: www.nomafsi.com.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Quốc Doanh, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Huy Thuấn. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Giống VN_g 77-4 là giống lai (GT1 x PR 107) của Viện Cây trồng Nhiệt đới Vân Nam, Trung Quốc, do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc nhập nội và khảo nghiệm. Giống được công nhận cho sản xuất thử năm 2011.

Đặc điểm chính

Chịu lạnh rất tốt. Thân chính rõ, to, lên thẳng. Tầng lá to hình bán cầu, hoặc hình cung lớn. Tuyến mật hơi lồi lên, có 2-4 tuyến, liên kết với nhau. Lá hình quả trám, màu lá xanh lục, mép lá lượn sóng. Mủ màu trắng. Có khả năng sinh trưởng mạnh, vánh thân vượt tiêu chuẩn của quy trình kỹ thuật trồng cao su 17%. Nhiễm bệnh phấn trắng nhẹ và trung bình. Tỷ lệ ghép sống đạt trên 80%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phát triển được tại một số tỉnh miền núi Tây Bắc, mức độ rét trung bình-rét nặng.

Điển hình áp dụng thành công

Đang trồng thử nghiệm tại các tỉnh Phú Thọ, Sơn La, Yên Bái và Lai Châu.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP
MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

ĐC: Xã Phú Hộ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: 0210. 38655073; Website: www.nomafsi.com.vn

GIỐNG ĐIỀU TL2/11

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Tăng Tôn và cộng sự, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam. Giống được chọn lọc từ các giống điều hữu tính nhập từ Thái Lan năm 1996. Giống được công nhận sản xuất thử vùng Đông Nam Bộ tại Quyết định số 191/QĐ-TT-CCN, ngày 17 tháng 6 năm 2009.

Những đặc điểm chính

Quả non xanh có sọc và khi chín màu đỏ; hạt non màu tím đỏ, khi chín màu xám trắng, vỏ dày; thấp cây, lá hơi xoắn, phát cành mạnh.

Năng suất 2.000-2.500 kg/ha, kích cỡ hạt lớn 130-140 hạt/kg, tỷ lệ nhân 29-32%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên đất đỏ. Cây giống được nhân vô tính bằng phương pháp ghép chồi vạt ngọn hoặc nêm ngọn. Cây giống xuất vườn phải có từ 1 đến 2 tầng lá đã phát triển hoàn chỉnh.

Mật độ trồng 200 cây/ha, với khoảng cách 8 x 6 m và phải tỉa cành tạo tán vào năm thứ 2. Khi cây điều trên hàng giao tán tiến hành tỉa thưa để khoảng cách 8 x 12 m đạt mật độ khoảng 100-120 cây/ha.

Hố trồng có kích thước 60 x 60 x 60 cm. Bón lót phân chuồng hoai 10-20 kg/hố (hoặc phân hữu cơ vi sinh 3-5 kg/hố) + supe lân hoặc lân nung chảy 0,5-1,0 kg/hố. Hố trồng cần được chuẩn bị một tháng trước khi trồng.

Bón phân năm thứ nhất đạm 60 g + lân 60 g + kali 30 g/cây. Năm thứ 2 và 3 đạm 600 g + lân 600 g + kali 50 g/cây. Từ năm thứ 3 trở đi bón đạm 1.000 g + lân 1.000 g + kali 500 g/cây. Chia ba lần bón vào đầu, giữa và cuối mùa mưa.

Cần áp dụng biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) trong phòng trừ sâu bệnh hại điều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống TL2/11 đã được áp dụng thành công trong sản xuất ở vùng Đông Nam Bộ tại Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh và Bình Thuận.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

PHÒNG NGHIÊN CỨU CÂY CÔNG NGHIỆP VIỆN KHKT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

ĐC: 121 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 39103408; 0918 071620; Email: cbpr@hcm.vnn.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Tăng Tôn và cộng sự, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Giống TL11/2 chọn lọc từ các giống điều hữu tính nhập từ Thái Lan năm 1996. Giống được công nhận sản xuất thử vùng Đông Nam Bộ tại Quyết định số 191/QĐ-TT-CCN, ngày 17 tháng 6 năm 2009.

Những đặc điểm chính

Quả non màu xanh có sọc và khi chín màu đỏ; hạt non màu xanh, khi chín màu xám trắng, vỏ dày; thấp cây, lá hơi xoắn, phát cành mạnh.

Năng suất 2.000-2.500 kg/ha, kích cỡ hạt lớn 120-130 hạt/kg, tỷ lệ nhân 28-31%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên đất đỏ và đất xám. Cây giống được nhân vô tính bằng phương pháp ghép chồi vạt ngọn hoặc nêm ngọn. Cây giống xuất vườn phải có từ 1 đến 2 tầng lá đã phát triển hoàn chỉnh.

Mật độ trồng 200 cây/ha, với khoảng cách 8 x 6 m và phải tỉa cành tạo tán vào năm thứ 2. Khi cây điều trên hàng giao tán tỉa thưa để khoảng cách 8 x 12 m đạt mật độ khoảng 100-120 cây/ha.

Hố trồng có kích thước 60 x 60 x 60 cm. Bón lót phân chuồng hoai 10-20 kg/hố (hoặc phân hữu cơ vi sinh 3-5 kg/hố) + supe lân hoặc lân nung chảy 0,5-1,0 kg/hố. Hố trồng cần được chuẩn bị xong một tháng trước khi trồng.

Bón phân năm thứ nhất: Đạm 60 g + lân 60 g + kali 30 g/cây. Năm thứ 2 và 3: Đạm 600 g + lân 600 g + kali 50 g/cây. Từ năm thứ 3 trở đi bón đạm 1.000 g + lân 1.000 g + kali 500 g/cây. Chia ba lần bón vào đầu, giữa và cuối mùa mưa.

Cần áp dụng biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) trong phòng trừ sâu bệnh hại điều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống TL11/2 đã được áp dụng thành công trong sản xuất ở vùng Đông Nam Bộ tại Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh và Bình Thuận.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

PHÒNG NGHIÊN CỨU CÂY CÔNG NGHIỆP
VIỆN KHKT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

ĐC: 121 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 39103408; 0918 071620; Email: cbpr@hcm.vnn.vn

GIỐNG ĐIỀU TL6/3

Nguồn gốc

Tác giả : Nguyễn Tăng Tôn và cộng sự, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam. Giống được chọn lọc từ các giống điều hữu tính nhập từ Thái Lan năm 1996. Chọn lọc đưa khảo nghiệm tại Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh và Bình Thuận năm 2002. Giống được công nhận sản xuất thử vùng Đông Nam Bộ tại Quyết định số 191/QĐ-TT-CCN, ngày 17 tháng 6 năm 2009.

Những đặc điểm chính

quả non màu xanh và khi chín màu đỏ; hạt non màu xanh, khi chín màu xám trắng, vỏ mỏng; thấp cây, lá hơi xoắn, phát cành mạnh; tán thưa. Năng suất 2.000-2.500 kg/ha, kích cỡ hạt lớn 140-150 hạt/kg, tỷ lệ nhân 28-31%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên đất đỏ và đất xám. Cây giống được nhân vô tính bằng phương pháp ghép chồi vạt ngọn hoặc nêm ngọn. Cây giống xuất vườn phải có từ 1 đến 2 tầng lá đã phát triển hoàn chỉnh.

Mật độ trồng 200 cây/ha, với khoảng cách 8 x 6 m và phải tỉa cành tạo tán vào năm thứ 2. Khi cây điều trên hàng giao tán cần tiến hành tỉa thưa để khoảng cách 8 x 12 m đạt mật độ khoảng 100-120 cây/ha.

Hố trồng có kích thước 60 x 60 x 60 cm. Bón lót phân chuồng hoai 10-20 kg/hố (hoặc phân hữu cơ vi sinh 3-5 kg/hố) + supe lân hoặc lân nung chảy 0,5-1,0 kg/hố. Hố trồng cần được chuẩn bị một tháng trước khi trồng.

Bón phân năm thứ nhất: Đạm 60 g + lân 60 g + kali 30 g/cây. Năm thứ 2 và 3: Đạm 600 g + lân 600 g + kali 50 g/cây. Từ năm thứ 3 trở đi bón đạm 1.000 g + lân 1.000 g + kali 500 g/cây. Chia ba lần bón vào đầu, giữa và cuối mùa mưa.

Cần áp dụng biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) trong phòng trừ sâu bệnh hại điều.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công trong sản xuất ở vùng Đông Nam Bộ tại Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh và Bình Thuận.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

PHÒNG NGHIÊN CỨU CÂY CÔNG NGHIỆP VIỆN KHKT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

ĐC: 121 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 39103408; 0918 071620; Email: cbpr@hcm.vnn.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Đào Thị Lam Hương, Lê Văn Bốn, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên; Phạm Hồng Đức Phước, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Giống PBC157 (TD7) là giống nhập nội có nguồn gốc từ Malaysia, được Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên khảo nghiệm từ năm 2001. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận cho sản xuất thử tại các tỉnh phía Nam tại Quyết định số 174/QĐ-TT-CCN, ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

Cây sinh trưởng trung bình, hoa ra nhiều. Cấu trúc tán thẳng đứng. Lá trên cây nhiều, chiều dài lá: 32 cm, chiều rộng lá 11,5 cm; Tỷ lệ dài/rộng: 2,78t. Chồi non màu vàng nhạt. Quả khi chưa chín: Gờ rãnh màu xanh, rãnh màu xanh; khối lượng quả khi chín: 445 g, vỏ quả giòn. Năng suất hạt khô/ha: 2,0-2,5 tấn/ha; khối lượng hạt khô: 1,20 g/hạt; hàm lượng bơ: 55,1%; màu sắc phôi nhũ: Tím đậm.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đây là giống ca cao được tuyển chọn phục vụ mục tiêu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, với chất lượng hạt tốt và hàm lượng bơ cao.

Thâm canh mức trung bình, thường xuyên tỉa cành tạo hình và phòng trừ sâu bệnh. Nhân giống trồng bằng phương pháp ghép.

Vùng có thể mở rộng sản xuất: Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ (từ Quảng Ngãi trở vào), Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Diễn hình áp dụng thành công

Một số mô hình sản xuất tiêu biểu: Xã Đăk RLa, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk; xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đăk Lăk; xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; xã An Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; xã Hàng Gòn, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN

ĐC: 53 Nguyễn Lương Bằng, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lăk.
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

GIỐNG CA CAO PBC159

Nguồn gốc

Tác giả: Đào Thị Lam Hương, Lê Văn Bốn, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên; Phạm Hồng Đức Phước, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Giống PBC159 (TD9) là giống cao cao thương mại nhập nội có nguồn gốc từ Malaysia, được Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên tiến hành khảo nghiệm từ năm 2001. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại các tỉnh phía Nam tại Quyết định số 174/QĐ-TT-CCN, ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

Cây sinh trưởng trung bình, hoa ra nhiều. Cấu trúc tán bán thẳng đứng. Lá trên cây nhiều, chiều dài lá 33,1 cm, chiều rộng lá 12,8 cm; tỷ lệ dài/rộng: 2,58. Chồi non màu đỏ nhạt. Quả khi chưa chín: Gờ rãnh màu xanh, rãnh màu xanh trắng. Khối lượng quả khi chín: 541 g, vỏ quả ghồ ghề. Năng suất hạt khô/ha: 2,0-2,5 tấn/ha. Khối lượng hạt khô: 1,39 g/hạt. Hàm lượng bơ: 59,5%. Màu sắc phôi nhũ: Tím đậm.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đây là giống cao cao được tuyển chọn phục vụ mục tiêu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, với chất lượng hạt tốt và hàm lượng bơ cao.

Thâm canh, phòng trừ sâu bệnh định kỳ. Do đặc điểm của giống ít phân cành thứ cấp nên tạo hình cần tiến hành từ từ, tránh tỉa cành nhiều. Nhân giống trồng bằng hình thức vô tính (cây ghép).

Vùng có thể mở rộng sản xuất: Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ (từ Quảng Ngãi trở vào), Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Diễn hình áp dụng thành công

Một số mô hình sản xuất tiêu biểu: Xã Đắc RLa, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông; xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắc Lắc; xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đắc Lắc; xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; xã An Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; xã Hàng Gòn, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN

ĐC: 53 Nguyễn Lương Bằng, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắc Lắc
ĐT: 0500. 3862092; Website: www.wasi.org.vn

Nguồn gốc

Tác giả: Trần Công Khanh, Hoàng Kim và cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện KHNNVN.

Giống sắn KM98-5 được chọn lọc từ tổ hợp lai KM98-1 x Rayong 90. Giống đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 358/QĐ-TT-CCN ngày 20 tháng 9 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian thu hoạch hợp lý từ 7-10 tháng sau khi trồng. Năng suất củ tươi đạt 34,5 tấn/ha, hàm lượng tinh bột 27,5%, năng suất tinh bột 7,8-9,8 tấn/ha cao hơn đối chứng KM94 từ 6,3-18,3%. Hàm lượng HCN 163,7 mg/kg chất khô. Thân hơi cong ở phần gốc, phân nhánh nhẹ, nhặt mắt, thích hợp với điều kiện sinh thái các tỉnh phía Nam. Dạng củ đồng đều, thịt củ màu trắng, thích hợp với chế biến và thị trường. Nhầm nhẹ bệnh cháy lá.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tùy theo các loại đất mà bón với các công thức khác nhau, có thể kết hợp giữa bón phân vô cơ với phân hữu cơ. Phân bón cho 1ha: 80 kg N+ 40 kg P_2O_5 + 80 kg K_2O /ha trên đất đỏ; Trên đất xám và đất có dinh dưỡng thấp 120-160 kg N+ 60-80 kg P_2O_5 + 120-160 kg K_2O kg/ha kết hợp với 5 tấn-10 tấn phân chuồng hoặc phân xanh.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống sắn KM98-5 hiện đã được trồng rộng rãi ở nhiều tỉnh phía Nam (Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Thuận và Bình Định) với diện tích trên 10 ngàn ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG NGHIỆP HƯNG LỘC

ĐC: Xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061. 3868146; 3868981; 0918 064926

Email: tckhanh64@gmail.com; Website: <http://www.iasvn.org>

GIỐNG SẴN KM140

Nguồn gốc

Tác giả: Trần Công Khanh, Hoàng Kim và cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện KHNNVN.

KM140 là con lai của tổ hợp KM98-1 x KM36 được chọn lọc từ năm 1998. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận chính thức tại Quyết định số 359/QĐ-TT-CCN ngày 20 tháng 9 năm 2010.

Đặc điểm chính

Thời gian thu hoạch hợp lý từ 7-10 tháng sau khi trồng. Bình quân năng suất củ tươi đạt 33,4 tấn/ha (trong điều kiện thâm canh như Đồng Nai, Tây Ninh có thể đạt 40-50 tấn/ha), hàm lượng tinh bột 27,2%, hàm lượng HCN 105,9 mg/kg chất khô. Thân thẳng, nhặt mắt, thích hợp với điều kiện sinh thái Việt Nam. Dạng củ đồng đều, thịt củ màu trắng, thích hợp với chế biến và thị trường.

KM140 là giống sắn cao sản nên chỉ thích hợp với điều kiện thâm canh.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống sắn KM140 thích hợp với nhiều chân đất khác nhau. Đất tốt và trung bình trồng với khoảng cách 1,0 x 1,0 m, mật độ 10.000 cây/ha; đất xấu trồng với khoảng cách 1 m x 0,9 m hoặc 1 m x 0,8 m, mật độ 11.080-12.500 cây/ha.

Tùy theo các loại đất mà bón phân với các công thức khác nhau, có thể kết hợp giữa bón phân vô cơ với phân hữu cơ. Công thức phân bón NPK: 80 kg N+ 40 kg P_2O_5 + 80kg K_2O /ha trên đất đỏ; trên đất xám và đất có dinh dưỡng thấp 120-160 kg N + 60-80 kg P_2O_5 + 120-160 kg K_2O /ha kết hợp với 5-10 tấn phân chuồng hoặc phân xanh.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống sắn KM140 hiện đã được trồng rộng rãi trên toàn quốc với diện tích hàng trăm ngàn ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG NGHIỆP HƯNG LỘC

ĐC: Xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061. 3868146; 3868981; 0918 064926

Email: tckhanh64@gmail.com; Website: www.iasvn.org

GIỐNG DÂU LAI F1 TRỒNG HẠT VH17

Nguồn gốc

Tác giả: Vũ Văn Ban và cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương.

VH17 là giống dâu lai F1 tam bội thể (3n), do lai hữu tính giữa giống dâu K9 (2n) và giống dâu DB86 (4n). Giống được công nhận cho sản xuất thử ở vùng đồng bằng sông Hồng tại Quyết định số 466-QĐ/TT-CCN ngày 26/11/2009.

Những đặc điểm chính

Nhân giống bằng phương pháp hữu tính (bằng hạt). Chiều cao cây trung bình 2,6m, thân màu vàng nhạt, sinh trưởng khỏe, cành nhiều, tán gọn, lá to, dày, màu xanh, khả năng giữ nước tốt. Năng suất lá ổn định, đạt trên 35 tấn/ha, cho nhiều lá vào vụ Xuân, thuận lợi cho nuôi tằm kén trắng cho năng suất chất lượng cao. Chất lượng lá tốt, hàm lượng protein trong lá 22-24%, thích hợp cho nuôi tằm con và tằm lớn. Khả năng chống chịu với bệnh bạc thau, gỉ sắt và vi khuẩn khá. Khả năng chống chịu với điều kiện ngoại cảnh bất thuận như chịu hạn, chịu úng tốt hơn các giống dâu nhập nội của Trung Quốc.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích nghi với vùng đất bãi ven sông các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Có thể trồng quanh năm, tốt nhất từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Mật độ trồng 7-8 vạn cây/ha (tán gọn), khoảng cách trồng 1,2-1,5 m x 0,2-0,3 m, mỗi hố trồng 2 cây.

Điển hình áp dụng thành công

Thích hợp cho vùng đồng bằng sông Hồng. Được trồng ở các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRẠM NGHIÊN CỨU DÂU TÀM TƠ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DÂU TÀM TƠ TRUNG ƯƠNG

ĐC: Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
ĐT: 036. 3722408; Fax: 036. 3722005

GIỐNG DÂU VA-201

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Quang Tú và cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên, Viện KHNNVN.

Giống được chọn tạo bằng phương pháp lai hữu tính giữa giống dâu VA-186 nhập nội từ Ấn Độ với giống dâu Bầu đen. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 467/QĐ-TT-CCN ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Những đặc điểm chính

Năng suất đạt trên 25 tấn lá/ha/năm, vượt so với giống dâu địa phương từ 60-70%, thâm canh tốt năng suất đạt trên 30 tấn/ha/năm. Có tổng chiều dài thân, cành lớn (55,57m), kích thước lá 21,5 x 14,4cm (dài x rộng), khối lượng 100 lá 163,35g, lá dày, dễ hái. Khả năng tái sinh mạnh, thích hợp cho việc thu hoạch bằng phương pháp cắt cành. Hệ số nhân giống đạt từ 10-12 lần. Khả năng ra rễ tốt. Chất lượng lá tốt tương đương với giống dâu địa phương. Năng suất phân bổ tương đối đều qua các tháng, phục vụ cho nuôi tằm rải vụ. Khả năng kháng sâu bệnh ở mức khá, chịu hạn tốt.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Có thể trồng quanh năm, nhưng tốt nhất trồng vào đầu mùa mưa (tháng 5, tháng 6) hoặc cuối mùa mưa (tháng 10, tháng 11). Mật độ trồng từ 35.000-40.000 cây/ha. Khoảng cách hàng 1,0-1,2m, cây cách cây 0,25-0,30m. Lượng phân cho 1 ha: Bón lót 15-20 tấn phân chuồng (phân vi sinh từ 3 tấn/ha) + 1000kg lân. Bón thúc hàng năm: 15 tấn phân chuồng + 240N + 120P₂O₅ + 120K₂O/ha. Sau khi đồn bón thúc toàn bộ phân chuồng (phân vi sinh) và phân lân, còn lượng phân đạm, kali chia đều cho 4 lần bón vào các tháng 4, 6, 8 và 10. Cách bón: Đào rãnh cách gốc 15-20cm, sâu 20cm, bón phân rồi lấp ngay. Làm cỏ thường xuyên tạo thông thoáng cho ruộng dâu. Có thể sử dụng thuốc trừ cỏ trong mùa mưa, tránh không cho thuốc tiếp xúc với lá, mầm dâu... (nên sử dụng thuốc Gramoxone).

Giống dâu VA-201 lá mềm, chất lượng lá tốt, ngoài việc nuôi tằm lớn còn sử dụng làm vườn dâu chuyên cho nuôi tằm con rất tốt, đặc biệt cho nuôi tằm con tập trung đang phát triển mạnh tại Lâm Đồng và Tây Nguyên.

Diễn hình áp dụng thành công

Các tỉnh Tây Nguyên như Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk và Đông Nam Bộ.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG LÂM NGHIỆP LÂM ĐỒNG

ĐC: Số 03 Quang Trung, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
ĐT: 06. 3864794; 3865117



GIỐNG TẦM Đ2, E38 VÀ GIỐNG TỬ NGUYÊN GQ2218

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Đảm và các cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Các giống nguyên Đ2, E38 và giống lai GQ2218 là kết quả lai tạo từ 2 giống tầm đa hệ bản địa và 6 giống lưỡng hệ nhập nội từ Trung Quốc và Nhật Bản. Các giống tầm nguyên và giống lai GQ2218 đã được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 319/QĐ-CN-GSN ngày 27/11/2009.

Những đặc điểm chính

Giống tầm Đ2 và E38 đều là tầm trơn, thời gian phát dục trung bình 22-25 ngày. Tằm sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện nhiệt độ từ 28-30°C, ẩm độ 80-90%. Sức sống tầm đạt 88,12-88,91%, sức sống nhộng 92,86-96,39%. Trứng hươu miền ổn định. Kén màu trắng thuần, nếp nhăn trung bình, tơ gốc ít. Đ2 dạng kén bầu, E38 dạng kén eo. Hệ số nhân giống đạt 10-11 vòng trứng/1 kg kén.

Giống lai GQ2218 có thời gian phát dục trung bình từ 22-25 ngày, có sức chống chịu tốt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt của vụ Hè. Thích hợp nuôi tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Dạng kén hơi eo, màu trắng thuần, nếp nhăn trung bình, tơ gốc ít, dễ ương. Năng suất kén bình quân đạt 12-14 kg/vòng trứng, chiều dài tơ đơn 800-1000m, chất lượng kén đạt tiêu chuẩn ương tơ cấp A trở lên.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Các giống tầm nguyên Đ2, E38 và giống lai GQ2218 sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện nhiệt độ từ 26-30°C, ẩm độ 80-90%, có khả năng chống chịu tốt trong điều kiện bất lợi và cho năng suất ổn định, năng suất đạt 12-14 kg kén/vòng trứng.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống bố mẹ cấp 1 (giống lai nhị nguyên Đ2 x B42 và A1 x E38) đã được chuyển giao cho Công ty cổ phần Trứng giống tầm Thái Bình, Công ty cổ phần Trứng giống tầm Mai Lĩnh, Công ty Dâu tằm tơ Mộc Châu với số lượng 14.000 ổ cấp 1 và đã sản xuất được 70.000 vòng trứng cấp 2.

Giống lai GQ2218 đã được nuôi ở 9 tỉnh Yên Bái, Sơn La, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Thái Bình, Thanh Hoá, Quảng Nam với số lượng 150.290 vòng.



Kén giống GQ2218

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DÂU TẦM TƠ TRUNG ƯƠNG

ĐC: Ngõ 318, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội
ĐT: 04. 38721804; Fax: 04. 38271804; E-mail: dautamTW@vnn.vn.

GIỐNG TẦM LAI TN1278

Nguồn gốc

Tác giả: Hoàng Thị Loan, Tô Thị Tường Vân và các cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên.

Giống tầm lai TN1278 được tạo thành từ 4 giống lưỡng hệ mới, trong đó có 2 giống tầm dạng kén bầu là LAREC 1, LAREC 2 và 2 giống tầm dạng kén thắt eo là LAREC 7, LAREC 8 {(LAREC 1 x LAREC 2) x (LAREC 7 x LAREC 8)}. Giống được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 319/QĐ-CN-GSN, ngày 27 tháng 11 năm 2009.

Những đặc điểm chính

Có sức sống cao, có thể nuôi quanh năm cả mùa mưa và mùa khô. Vào mùa khô sức sống tầm đạt trên 90%, mùa mưa cũng có thể đạt trên 80%. Năng suất kén cao, bình quân đạt từ 40-45 kg kén /hộp trứng 20g tùy theo vụ nuôi. Chất lượng tơ: Kén to, cùi dày, nếp nhăn trung bình, chiều dài tơ đơn bình quân đạt trên 1000 m, tỷ lệ lên tơ cao trên 85%, hệ số tiêu hao kén tươi từ 6,5-7,0 kg kén/1kg tơ, tơ đạt cấp 2A.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Nuôi tầm con (tầm tuổi 1, 2, 3): Lá dâu non, phải tươi sạch, không ướt và lấm đất. Nuôi tầm bằng phương pháp dầy nylon chỉ cần cho ăn 3-4 bữa/ngày đêm. Nhiệt độ nuôi 28-29°C, ẩm độ > 90%. Tuổi 1: Không thay phân hoặc thay phân một lần trước khi tầm ngủ; Tuổi 2: Thay phân 2 lần; Tuổi 3: Thay phân 3 lần.

Nuôi tầm lớn (tuổi 4-5): Yêu cầu lượng dâu khoảng 80% tổng lượng dâu của cả lứa. Mật độ nuôi tầm trên nong đảm bảo vừa phải, hợp lý, san mô tầm phẳng trước khi cho tầm ăn, số bữa ăn của tầm phải đầy đủ và thích hợp. Nhà cửa nuôi phải thoáng mát, ánh sáng trong phòng tầm cần nhiều hơn giai đoạn tầm nhỏ. Thay phân san tầm hàng ngày vào các buổi sáng. Lá dâu phải được cung cấp đầy đủ, đúng chất lượng (lượng dâu cần cho một hộp tầm khoảng 550-600 kg). Nhiệt độ nuôi tầm lớn 27-28°C, ẩm độ > 85%.

Lên né: Nhiệt độ khi tầm lên né phải đảm bảo 27°C-28°C, ẩm độ 85%. Mật độ lên né khoảng 3,0-3,5 kg tầm chín/m² né. Gỡ kén khi tầm hoá nhộng 1 ngày.

Diễn hình áp dụng thành công

Lâm Đồng, các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh có điều kiện tương tự.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG LÂM NGHIỆP LÂM ĐỒNG

ĐC: Số 03 Quang Trung, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
ĐT: 063. 3864794; 3865117